

Bản án số: 35/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 20/12/2017

Về việc : Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Đức
2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2017/TLST - HNGĐ ngày 03/10/2017 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/11/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2017/QĐST - HNGĐ ngày 30/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1987.

ĐKKHKT: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình Q trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 09/3/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được hơn 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q không chịu tu trí làm ăn, thường hay chơi bời không có trách nhiệm tới gia đình, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau,

chị đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương sống từ ngày 30/4/2013, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị thấy không còn tình cảm với anh Q, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về quan hệ con chung, tài sản chung của vợ chồng: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của anh Nguyễn Đình Q trình bày: Vợ chồng H, Q sau ngày cưới ăn ở cùng với gia đình bà tại thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng quan điểm sống chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh Q thì sống cùng với bà tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chị H xin ly hôn với anh Q, Tòa án thông báo và triệu tập anh Q đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, bà đã thông báo cho anh Q và giao các giấy tờ của Tòa án cho anh Q, anh Q nói bận không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án được, quan điểm cũng đồng ý ly hôn với chị H, vợ chồng chưa có con chung, tài sản chung không có.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đình Q.

Anh Nguyễn Đình Q vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát viên nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí; Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị H được ly hôn với anh Q. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đã thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q không có mặt. Tòa án đã triệu tập các đương sự hợp lệ đến phiên tòa nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ

hai anh Q đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đình Q.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 09/3/2010. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được hơn 3 năm đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hòa hợp về tình cảm, bất đồng trong cuộc sống, chị H đã về nhà bố mẹ để sống từ ngày 30/4/2013, anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Q thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Do vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn với anh Q là phù hợp.

[3]. Về quan hệ con chung, tài sản chung: Vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều: 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Đình Q.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AB/2014/0002040 ngày 03/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết/.

Nơi nhận:

-VKSND huyện Tứ Kỳ;
-Chi cục T.H.A.DS huyện Tứ Kỳ;
-UBND xã Đ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

Nguyễn Văn Tú